

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27-5-2021

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Hùng Phong

Ông Nguyễn Công Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Dương Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14-4-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ nơi cư trú: Thôn H, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình. (Vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Kol Sàm B, sinh năm 1987; địa chỉ nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt cùng đề ngày 22-12-2020, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Kol Sàm B đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình ngày 12-12-2008. Quá trình chung sống anh B thường xuyên đánh đập chị nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thôn H, xã H huyện H, tỉnh Quảng Bình sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung tên là Kol Trung H2 (sinh ngày 29-9-2009) hiện đang sống với ông bà nội tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc

Trăng, chị yêu cầu giao cháu cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đồng thời, do chị ở xa và hay đau ốm, nên chị xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, chị chấp nhận mọi sự giải quyết của Tòa án theo thủ tục vắng mặt.

- Bị đơn anh Kol Sàm B đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, chị H vắng mặt có đơn xin vắng, anh B vắng mặt không có lý do, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn vắng mặt có đơn xin vắng đã chấp hành các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành vắng mặt không có lý do và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị H là vụ án hôn nhân và gia đình về “*ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 14 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và chị H có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; anh B trú tại Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; tại phiên tòa, chị H vắng mặt có đơn xin vắng mặt, anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H và anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh B kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 36/2008 (quyển số 01/2007) ngày 12-12-2008 là hôn nhân hợp pháp quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo chị H trình bày sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị thường xuyên bị anh B đánh nên đã sống ly thân đến nay. Qua xác minh địa phương xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị H và anh B (bút lục số 34, 42). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện để đương sự gặp gỡ hòa giải các mâu thuẫn, đoàn tụ, nhưng chị H yêu cầu ly hôn và xin vắng mặt, anh B vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hàn gắn được nữa, hai bên đã sống ly thân và không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Nay chị H yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị H trình bày chị và anh B có một con chung tên là Kol Trung H2 (sinh ngày 29-9-2009) hiện đang ở với ông bà nội, chị yêu cầu giao cháu cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng cho con. Anh B không có ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện T ý kiến trường hợp anh B làm thuê và không thuộc đối tượng hộ nghèo, cận nghèo của địa phương, do đó về mặt kinh tế anh có khả năng đảm bảo tốt cuộc sống của cháu H2, việc giao cháu cho cha hoặc mẹ nuôi dưỡng là do cha, mẹ cháu thỏa thuận, tuy nhiên cần tham khảo ý kiến của cháu đã trên 07 tuổi (bút lục số 37). Xét thấy, hiện cháu H2 do anh B và gia đình anh trực tiếp chăm sóc, cháu đang đi học với sức khỏe tốt và cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng anh B (bút lục số 35). Do đó, giao cháu cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành là đảm bảo tốt nhất sự phát triển của cháu trong thời điểm hiện tại, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của anh B và đúng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; chị H yêu cầu không cấp dưỡng cho con và anh B không có yêu cầu, ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét; chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh B không có yêu cầu, ý kiến về vấn đề này gửi đến Tòa án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí ly hôn chị H phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3, Điều 8, Điều 9, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị H với anh Kol Sầm B về ly hôn, tranh chấp nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Cao Thị H được ly hôn với anh Kol Sàm B.

- Về con chung: Giao cháu Kol Trung H2 (sinh ngày 29-9-2009) cho anh Kol Sàm B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành; Chị Cao Thị H không cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Cao Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Cao Thị H phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008249 ngày 14-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã T, huyện T;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Quảng Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Nhân